

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2022/DS-ST**
Ngày 22 tháng 3 năm 2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Hiếu

Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa:
Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội” thụ lý số 283/2021/TLST-DS, ngày 22 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-DS, ngày 03 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hữu P; địa chỉ: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

Bị đơn: Bà Đặng Thị Đ; địa chỉ: ấp H, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Hữu P trình bày:

Bà P là hội viên có tham gia các dây hội do bà Đặng Thị Đ là chủ hội cụ thể như sau:

Dây 1: Hội tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 10/11/2019 âm lịch, có 34 phần, bà P tham gia 01 phần đóng hội sống được 19 lần, số tiền đóng cho bà Đ tính có lãi theo thỏa thuận chơi hội là 95.000.000 đồng, đến ngày 10/5/2021 bà Đ tuyên bố bẻ

hụi không khui nữa. Bà Đ hứa gom hụi chết trả cho bà P 95.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả.

Dây 2: Hụi thàng 5.000.000 đồng, mở ngày 20/12/2020 âm lịch, có 21 phần, bà P tham gia 01 phần đóng hụi sống được 05 lần, số tiền đóng cho bà Đ tính có lãi theo thỏa thuận chơi hụi là 25.000.000 đồng, đến ngày 10/5/2021 bà Đ tuyên bố bế hụi không khui nữa. Bà Đ hứa gom hụi chết trả cho bà P 25.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả.

Tổng số 02 dây hụi bà Đ còn nợ của bà P là 120.000.000 đồng. Nay bà Trần Thị Hữu P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị Đ trả cho bà số tiền 120.000.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Đặng Thị Đ, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà Đ nhưng bà Đ không có ý kiến trả lời, cũng không đến Tòa án để cung cấp lời khai và tham gia các phiên họp, hòa giải.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn trả số tiền 120.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Bà Đặng Thị Đ là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng góp hụi giữa các bên đương sự thấy rằng cả bà P và bà Đ đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng góp hụi giữa bà P với bà Đ là hợp pháp.

[3] Đối với phía bị đơn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, bà Đ đã nhận và biết được nội dung khởi kiện, nội dung yêu cầu của nguyên đơn, nhưng bà không có ý kiến nên được coi là mặc nhiên thừa nhận; mặt khác, Tòa án có xác minh một số người cùng tham gia dây hụi chung với bà P được biết việc bà Đ tổ chức các dây hụi không duy trì đến mãn và có sự tham gia của bà P là có thật.

[4] Xét về lỗi: Bà Đ là người có lỗi, vì đã vi phạm nghĩa vụ do tổ chức các dây hụi mà không duy trì được đến ngày hụi mãn, số tiền góp hụi của các hụi viên chưa được tính toán để hoàn lại; chính sự vi phạm nghĩa vụ của bà Đ đã trực tiếp gây thiệt hại đến quyền lợi của bà P, nên việc bà P khởi kiện là có căn cứ.

[5] Từ phân tích trên, có căn cứ xác định bà Đ còn nợ bà P 120.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà P số tiền này theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự và Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về hộ, hui, biên, phường.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về hộ, hui, biên, phường;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà Đặng Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Hữu P số tiền 120.000.000 (*một trăm hai mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Bà Đặng Thị Đ phải chịu án phí số tiền 6.000.000 (*sáu triệu*) đồng.

2.2. Bà Trần Thị Hữu P không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp 3.000.000 (*ba triệu*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001465 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu